

Số: 3504/TTTr - UBND

Triệu Sơn, ngày 06 tháng 12 năm 2016

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công + dự toán
Dự án: Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân lý đến
xã Đồng Thắng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư 17/2013/TT-BXD ngày 30/10/2013 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt dự án tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn;

UBND huyện Triệu Sơn trình Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa thẩm định thiết kế bản vẽ thi công + dự toán Dự án: Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân lý đến xã Đồng Thắng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên dự án: Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân lý đến xã Đồng Thắng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Cấp công trình: Công trình cấp IV

3. Thuộc dự án: Dự án nhóm C, Công trình nông nghiệp & PTNT

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.

5. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn và ổn định cho đê hữu sông Hoàng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông trong khu vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện Triệu Sơn.

6. Địa điểm xây dựng: Xã: Dân Lý, Tiến Nông, Khuyến Nông, Đồng Tiến và Đồng Thắng, huyện Triệu

7. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 53.964.323.000 VNĐ*(Sáu mươi lăm tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu tám trăm bảy ba nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 36.971.301.000 (đồng)
- Chi phí thiết bị: 408.650.000 (đồng)
- Chi phí QLDA: 654.964.000 (đồng)
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 3.832.125.000 (đồng)
- Chi phí khác: 2.440.920.000 (đồng)
- Chi phí hỗ trợ đền bù GPMB: 3.370.000.000 (đồng)
- Chi phí dự phòng: 6.286.363.000 (đồng).

*(Có hồ sơ kèm theo)***8. Nguồn vốn đầu tư:** Theo Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.**9. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng:** Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư & Xây dựng hạ tầng Huy Hoàng.**10. Tiêu chuẩn và quy chuẩn áp dụng:**

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình, quy mô xây dựng:

- Tuyển tập Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;
- Thông tư số 27/2012/BNNPTNT ngày 26/6/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành kỹ thuật Quốc gia về công trình thủy lợi, mã số QCVN 04:05:2012/BNNPTNT;

- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Công trình thủy lợi – Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- Quy phạm tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế QP.TL.C-6-77;

- TCXDVN 2737:2006: Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 4253:2012: Nền các công trình thủy Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 4116:85: Kết cấu bê tông và BTCT thủy công- Tiêu chuẩn thiết kế

- Các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm có liên quan khác

11. Quy mô và giải pháp công trình:

a) Quy mô, thông số kỹ thuật công trình:

+ Tu bổ nâng cấp tuyến đê đảm bảo chống lũ với tần suất $P = 10\%$ + Hệ số ổn định: $K = 1,15$

+ Mục nước thiết kế đê: Tại Cầu Thiệu thuộc xã Dân Lý (đoạn đầu tuyến đê) là (+5,740)m.

+ Chiều dài tuyến đê $L = 9251,0m$.

+ Công qua đê: 23 cống bao gồm: làm mới 18 cống và nối dài 5 cống gồm:

TT	Vị trí	Hiện trạng		Biện pháp công trình	
		Hiện trạng cống	Khẩu diện cống cũ (BXH)	Biện pháp	Khẩu diện cống mới (BXH)
1	K10+374	Cống hỏng, xuống cấp	Φ100 cm	Làm mới	Φ100 cm

2	K10+642	Cống hông, xuống cấp	Φ80 cm	Làm mới	Φ100 cm
3	K11+460	Cống hông, xuống cấp	Φ40 cm	Làm mới	Φ60 cm
4	K12+174	Cống hông, xuống cấp	Φ40 cm	Làm mới	Φ60 cm
5	K12+208	Cống hông, xuống cấp	Φ40 cm	Làm mới	Φ60 cm
6	K12+682	Cống còn tốt, không đủ chiều dài theo đề thiết kế	03 cửa (1,50m x 2,0m)	Nối dài cống về phía đông	03 cửa (1,50m x 2,0m)
7	K14+246	Cống hông, xuống cấp	Φ80 cm	Làm mới	Φ100 cm
8	K15+277	Cống vòm bằng đá xây hông, xuống cấp	02 cửa (1,50m x 1,80m)	Làm mới	02 cửa (1,50m x 2,00m)
9	K15+520	Cống hông, xuống cấp	Φ80 cm	Làm mới	Φ100 cm
10	K15+928	Cống hông, xuống cấp	Φ50 cm	Làm mới	Φ60 cm
11	K16+056	Cống hông, xuống cấp	Φ80 cm	Làm mới	Φ100 cm
12	K16+281	Cống hông, xuống cấp	01 cửa (1,5m x 2,0m)	Làm mới	01 cửa (1,50m x 2,00m)
13	K16+906	Cống còn tốt, không đủ chiều dài theo đề thiết kế	01 cửa (1,20m x 1,55m)	Nối dài cống về phía đông	01 cửa (1,20m x 1,55m)
14	K16+961	Cống hông, xuống cấp	Φ40 cm	Làm mới	Φ60 cm
15	K17+146	Cống hông, xuống cấp	Φ40 cm	Làm mới	Φ60 cm
16	K17+304	Cống còn tốt, không đủ chiều dài theo đề thiết kế	01 cửa (0,70m x 0,70m)	Nối dài cống về phía đông	01 cửa (0,70m x 0,70m)
17	K17+427	Cống còn tốt, không đủ chiều dài theo đề thiết kế	01 cửa (0,70m x 0,80m)	Làm mới	01 cửa (1,0m x 1,0m)
18	K17+978	Cống còn tốt, không đủ chiều dài theo đề thiết kế	03 cửa (1,80m x 1,40m)	Nối dài cống về phía đông	03 cửa (1,80m x 1,40m)
19	K18+244	Cống còn tốt, không đủ chiều dài theo đề thiết kế	01 cửa (0,70m x 0,80m)	Nối dài cống về phía đông	01 cửa (0,70m x 0,80m)
20	K18+632	Cống hông, xuống cấp	Φ50 cm	Làm mới	Φ60 cm
21	K18+998	Cống hông, xuống cấp	Φ30 cm	Làm mới	Φ60 cm
22	K19+095	Cống hông, xuống cấp	Φ30 cm	Làm mới	Φ60 cm
23	K19+176	Cống hông, xuống cấp	Φ30 cm	Làm mới	Φ60 cm

+ Dốc lên đề 31 dốc gồm:

STT	Cọc	Vị trí	Phía
1	111	Km 12+883	phía đông
2	118+16m	Km 13+064	phía đông
3	125	Km 13+223	phía đông
4	144	Km 13+707	phía đông
5	145	Km 13+717	phía đông
6	154	Km13+943	phía đông
7	154	Km 13+943	phía sông
8	167	Km 14+276	phía đông
9	175	Km 14+468	phía đông
10	227	Km 15+760	phía đông
11	235	Km 15+960	phía sông
12	236+17m	Km 16+002	phía sông

13	241	Km 16+106	phía sông
14	247	Km 16+256	phía sông
15	251	Km 16+356	phía đồng
16	258+4m	Km 16+535	phía đồng
17	259+19m	Km 16+575	phía sông
18	297+19m	Km 17+398	phía sông
19	307	Km 17+625	phía đồng
20	307	Km 17+625	phía sông
21	311+12m	Km 17+739	phía đồng
22	314	Km 17+787	phía sông
23	321	Km 17+955	phía sông
24	328	Km 18+130	phía đồng
25	331+12m	Km 18+224	phía đồng
26	336+16m	Km 18+328	phía đồng
27	338	Km 18+362	phía sông
28	341	Km 18+421	phía đồng
29	343	Km 18+450	phía sông
30	356	Km 18+743	phía đồng
31	356	Km 18+743	phía sông

+ Đường dân sinh kết nối với đê: 03 tuyến, tổng chiều dài $L = 1813\text{m}$.

b) Giải pháp kỹ thuật công trình:

b.1. Tuyến đê:

+ Chiều rộng mặt đê $B = 6,0\text{m}$

+ Cao trình đỉnh đê: Đắp tôn cao, áp trúc bằng đất đầm trị chặt đạt $K \geq 0,95$ đảm bảo cao trình chống lũ, tần suất $P = 10\%$ với cao trình mực nước lũ thiết kế tại Cầu Thiều, xã Đông Hoàng, huyện Triệu Sơn (+5.74).

+ Kết cấu mặt đê: Chiều rộng mặt đê $B=6\text{m}$, trong đó phần mặt đê gia cố $B_{gc}=5(\text{m})$. Kết cấu mặt đê từ trên xuống như sau: Bê tông thường M250 dày 20cm, lót nilon tái sinh; cấp phối đá dăm loại 2 lu lên chặt dày 20cm; hai bên lề được đắp bằng đất núi đầm trị chặt mỗi bên rộng 0,5m và có bố trí cọc tiêu bằng bê tông kích thước $15 \times 15 \times 102,5\text{cm}$; Độ dốc mặt $i = 2\%$ và độ dốc lề $i = 4\%$. Dọc theo tuyến đê phần gia cố bê tông cứ 7,5m bố trí cắt 01 khe co giãn dày 17cm.

+ Kết cấu thân đê: Thân đê trước khi được đắp được bóc phong hóa mái dày 20cm, bóc hữu cơ dày 30cm. Thân đê được đắp bằng đất đồi đầm trị chặt đạt $K \geq 0,95$; mái hai bên phía đồng và phía sông $m=2.0$ và được trồng cỏ chống xói.

+ Tường chắn đất: Dọc tuyến đê những vị trí có địa hình hẹp như qua ao, cống để giảm diện tích chiếm đất và đảm bảo chiều rộng mặt đê thì bố trí tường chắn đất. Kết cấu tường chắn đất bằng BTT M200 cao $H=(1,2\sim 1,6)\text{m}$; chiều rộng đáy tường $B=(1,4\sim 1,6)\text{m}$, lưng tường cứ 1.0m bố trí 01 lỗ thoát nước bằng ống nhựa D21mm, bó lọc bằng đá dăm và vải lọc ART-15 hàng TD.

+ Rãnh thoát nước: Đoạn đê đi qua khu dân cư được bố trí rãnh thoát nước để thoát nước mặt và nước thải từ khu dân cư. Kích thước rãnh $b \times h = 0,3 \times 0,3\text{m}$; trên có nắp dậ và

có trừ khe để thoát nước. Kết cấu thành và đáy bằng BTT M200 dày 15cm, dưới lót ni lon tái sinh; dọc chiều dài rãnh cứ 10m bố trí cát 01 khe lún bố trí 02 lớp giấy dầu tấm nhựa đường; tấm nắp bằng BTCT M250 KT: (100x60x15)cm.

b.2. Dốc lên đê: 31 dốc

+ Bố trí các dốc lên đê phía đồng và phía sông. Chiều rộng dốc $B = 4,0\text{m}$ trong đó gia cố bằng bê tông thường M250 dày 20cm rộng 3,0m dưới là lớp cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 20cm; hai bên lề được đắp bằng CPĐD loại 2 mỗi bên rộng 0,5m.

+ Tại vị trí vào nhà dân : Vuốt dốc 91 cái

b.3. Làm mới và sửa các cống dưới đê: 23 cái

- Sửa chữa, nâng cấp cống dưới đê (05 cái): Các cống này bằng BTCT hiện đang còn sử dụng tốt do mặt cắt đê được mở rộng theo yêu cầu thiết kế nên phải nối dài cho phù hợp với mặt cắt đê mới; kết cấu phần nối dài bằng BTCT M250, nền được xử lý bằng cọc tre, tiêu năng phía sông được sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu chống xói lở, thay mới cửa van và máy đóng mở từ V3 – V5.

- Làm mới 18 cống dưới đê thay thế cống cũ bằng cống tròn đã bị hư hỏng, bồi lấp. Hình thức kết cấu: Cống tròn bê tông ly tâm H30, đường kính $\Phi(60\sim 100)$, tường đầu kết cấu bằng BTCT, cửa van bằng BTCT, đóng mở bằng ổ V1 – V3.

b.4. Xây dựng các tuyến đường dân sinh kết nối với đê:

+ Gồm 3 tuyến cứu hộ đê với tổng chiều dài $L = 1.813\text{m}$

+ Hình thức kết cấu mặt đường: Chiều rộng mặt đường $B = 4(\text{m})$; chiều rộng gia cố $B_{gc} = 3,0(\text{m})$. Kết cấu mặt đường từ trên xuống: Bê tông thường M250 dày 20cm, nilon tái sinh; cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 16cm; hai bên lề được đắp bằng CPĐD loại 2 mỗi bên rộng 0,5m; Độ dốc mặt $i = 2\%$ và độ dốc lề $i = 4\%$. Dọc theo tuyến đê phân gia cố bê tông cứ 5,0m bố trí cát 01 khe co giãn dày 17cm.

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt dự án tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn.

- Hợp đồng kinh tế số 02/HĐ-TVXD ngày 17/11/2016.

- Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định thiết kế BVTC + dự toán.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Tổng dự toán công trình.

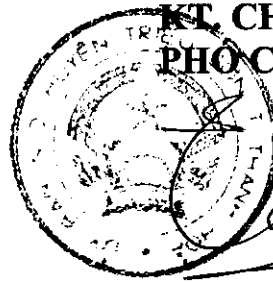
3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu.

Trên cơ sở Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt dự án tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn. UBND huyện Triệu Sơn

trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa thẩm định thiết kế bản vẽ thi công + dự toán dự án: Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân lý đến xã Đồng Thắng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BQLDA, NN.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Xuân Dương